

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2018/HS-ST
Ngày: 17 - 5 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Đức;

Ông Vũ Xuân Thùy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2018/TLST - HS ngày 20 tháng 4 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXXST - HS ngày 02 tháng 5 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Trần Như Ch, sinh năm 1980; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Xóm 8, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Như T và bà Đỗ Thị M; có vợ là Trần Thị H và 03 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 22/02/2018 đến ngày 25/02/2018 chuyển tam giam. Ngày 07/3/2018 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, “có mặt”.

2. Đỗ Viết L, sinh năm 1973; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Xóm 5, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Viết N và bà Ngô Thị N; có vợ là Trần Thị N và 03 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 28/9/2009, bị Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xử phạt 6 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Bị cáo đã chấp hành xong bản án.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 22/02/2018 đến ngày 25/02/2018 chuyển tam giam. Ngày 07/3/2018 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, “có mặt”.

3. Đặng Viết Q, sinh năm 1986; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Xóm 8, xã X, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Viết T và bà Trần Thị L; bị cáo chưa có vợ; tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 22/02/2018 đến ngày 24/02/2018 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, “có mặt”.

4. Trần Như B, sinh năm 1978; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Xóm 8, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Như T và bà Trần Thị M; có vợ là Trần Thị T và 03 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2006; tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 22/02/2018 đến ngày 24/02/2018 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, “có mặt”.

5. Trần Đức Q, sinh năm 1985; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Xóm 7, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đức T (đã chết) và bà Trần Thị T; có vợ là Trần Thị H và 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 22/02/2018 đến ngày 24/02/2018 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, “có mặt”.

- Người chứng kiến:

1. Anh Trần Thiện D, sinh năm 1970; nơi cư trú: Xóm 8, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định, “vắng mặt”.

2. Chị Trần Thị H, sinh năm 1980; nơi cư trú: Xóm 8, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định, “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 21/02/2018, Trần Như C đang ở nhà tại xóm 8, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định thì có Trần Như B, Trần Đức Q, Đỗ Viết L,

Đặng Viết Q cùng trú tại xã X đến chơi, uống nước. Sau đó, cả 5 đối tượng cùng nhau vào phòng ngủ của C để đánh lốc ăn tiền, C nhất trí. Trên nền nhà đã trải sẵn chiếu, C lấy bộ bài tú lơ khơ 52 quân có sẵn trên mặt tủ rồi vào phòng ngủ của mình ngồi chơi đánh bài. Cách chơi và số tiền thống nhất như sau: Dùng bộ bài 52 quân gồm 4 chất cơ, rô, tép, bích chia mỗi người 10 lá, đánh lần lượt theo vòng, ai hết bài trên tay trước thì thắng và được thu tiền của những người còn lại, tương ứng với số tiền trên tay bằng 10.000đồng 1 lá bài. Trong ván chơi nếu ai không đánh được lá bài nào thì phải trả cho người thắng 150.000đ; nếu ai xin lốc và được quyền đánh trước mà không ai bắt được lá bài nào thì cho đến khi người đó đánh hết bài thì những người còn lại phải trả cho người đó mỗi người là 200.000đ, ngược lại nếu có người bắt được bài mà người xin lốc đánh thì người xin phải trả cho người bắt lốc là 1.600.000đ. Cả 5 người bỏ tiền ra chơi, đến khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày thì bị Tổ công tác Công an huyện X phát hiện bắt quả tang hành vi đánh bạc ăn tiền của các đối tượng, thu giữ tổng số tiền trên chiếc bạc 6.150.000đ, trong đó thu của C 1.210.000đ; thu của B 1.140.000đ; thu của Q 1.460.000đ; thu của L 1.020.000đ; thu của Q 1.320.000đ.

Về số tiền dung để đánh bạc, số tiền thắng thua đến khi bị bắt, các đối tượng khai như sau:

1. Trần Như C có 1.900.000đ để đánh bạc, khi bị bắt thu giữ số tiền là 1.210.000đ.
2. Đỗ Viết L có 1.000.000đ để đánh bạc, khi bị bắt thu giữ số tiền là 1.020.000đ.
3. Đặng Viết Q có 1.390.000đ để đánh bạc, khi bị bắt thu giữ số tiền là 1.320.000đ.
4. Trần Như B có 1.000.000đ để đánh bạc, khi bị bắt thu giữ số tiền là 1.140.000đ.
5. Trần Đức Q có 860.000đ để đánh bạc, khi bị bắt thu giữ số tiền là 1.460.000đ.

Bản cáo trạng số 22/CT - VKSXT ngày 20/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện X truy tố các bị cáo Trần Như C, Đỗ Viết L, Đặng Viết Q, Trần Như B, Trần Đức Q về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, cũng như phân tích về hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử. Tuyên các bị cáo Trần Như C, Đỗ Viết L, Đặng Viết Q, Trần Như B, Trần Đức Q phạm tội “Đánh bạc”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Như C. Xử phạt bị cáo Trần Như C từ 9 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự

đối với bị cáo Đỗ Viết L. Xử phạt bị cáo Đỗ Viết L từ 21 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ và được khấu trừ vào thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đặng Viết Q, Trần Như B, Trần Đức Q. Xử phạt tiền các bị cáo Đặng Viết Q, Trần Như B, Trần Đức Q mỗi bị cáo từ 20.000.000đ đến 23.000.000đ để sung ngân sách Nhà nước. Căn cứ vào khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Như C. Phạt bổ sung đối với bị cáo C từ 10.000.000đ đến 13.000.000đ để sung ngân sách Nhà nước. Căn cứ vào khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo L. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo L, vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Q, B, Q, vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn, mặt khác các bị cáo này đã bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền. Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; đề nghị HĐXX xử lý vật chứng: Tịch thu số tiền 6.150.000đ do các bị cáo đánh bạc phạm tội mà có sung ngân sách Nhà nước; tịch thu cho tiêu hủy bộ bài tú lơ khơ 52 quân không giá trị sử dụng.

Các bị cáo nhất trí với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không tranh luận gì, trong lời nói sau cùng các bị cáo hứa sửa chữa lỗi lầm và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện X, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện X, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng. Quá trình điều tra các bị cáo không khiếu nại gì về các hành vi, quyết định tố tụng, tại phiên tòa các bị cáo cũng không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại biên bản bắt người phạm tội quả tang và những lời khai khác của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người chứng kiến, vật chứng đã thu giữ được, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Từ khoảng 21 giờ 30 phút đến 23 giờ 00 ngày 21/02/2018, tại nhà Trần Như C thuộc xóm 8, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định, Trần Như C, Đỗ Viết L, Đặng Viết Q, Trần Như B, Trần Đức Q đã có hành vi cùng nhau đánh bạc ăn tiền bằng hình thức chơi lốc, với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 6.150.000đ thì bị phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng. Vì vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành và phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Viện kiểm sát nhân dân

huyện X truy tố các bị cáo theo tội danh, điều luật như trên là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, gây bất bình cho quần chúng nhân dân. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi nhận thức được việc mình làm, nguy hiểm hơn tệ nạn cờ bạc đang là vấn đề nhức nhối của toàn xã hội, bao cảnh gia đình tan nát cửa nhà, vợ chồng ly hôn, đánh chém, giết nhau cũng chỉ vì cờ bạc. Vì vậy, cần phải xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật.

[4] Các bị cáo cùng rủ nhau đánh bạc, đây là vụ án đồng phạm giản đơn theo quy định tại Điều 17 của Bộ luật Hình sự. Trong đó bị cáo C được xác định là người giữ vai trò đầu vụ; bởi lẽ, C là chủ nhà không những không ngăn cản các bị cáo đánh bạc mà lại cùng tham gia đánh bạc, bị cáo còn là người chuẩn bị công cụ nên bị cáo phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác. Các bị cáo L, Q, B, Q xếp vai trò sau. Tuy nhiên, đối với bị cáo L do có nhân thân về hành vi đánh bạc nên bị cáo phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo Q, B, Q.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, riêng bị cáo L không được hưởng tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo C, Q, B, Q được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Lộc được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt chính: Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Vì vậy, không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù để cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo C; phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo L; phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo Q, B, Q là đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và răn đe phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật nên cần phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo C theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, bởi lẽ C là người giữ vai trò đầu vụ. Đối với bị cáo L hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên miễn khấu trừ thu nhập theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Q, B, Q không áp dụng hình phạt bổ sung, vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn, mặt khác các bị cáo này đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền.

[7] Về xử lý vật chứng: Số tiền 6.150.000đ các bị cáo dùng vào việc đánh bạc do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước; bộ bài tú lơ khơ 52 quân không có giá trị tịch thu cho tiêu hủy.

[8] Về án phí: Các bị cáo C, L, Q, B, Q bị kết tội nên phải nộp án phí hình sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với Trần Như C. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với Đỗ Viết L. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đặng Viết Q, Trần Như B, Trần Đức Q.

Tuyên bố các bị cáo Trần Như C, Đỗ Viết L, Đặng Viết Qu, Trần Như B, Trần Đức Q phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Trần Như C 9 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Đỗ Viết L 21 (hai mươi một) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ vào thời gian tạm giữ 14 ngày thành 42 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo L còn phải chấp hành là 19 tháng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt tiền các bị cáo Đặng Viết Qu, Trần Như B, Trần Đức Q, mỗi bị cáo 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

2. Hình phạt bổ sung: Căn cứ vào khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự đối với Trần Như C. Phạt Trần Như C 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với Đỗ Viết L. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Đỗ Viết L.

3. Giao bị cáo Trần Như C cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp bị cáo Trần Như C thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án Hình sự.

4. Giao bị cáo Đỗ Viết L cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định, quản lý, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

5. Xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 6.150.000đ của các bị cáo do phạm tội mà có; Tịch thu cho tiêu hủy bộ bài tú lơ khơ 52 quân.

Những vật chứng trên được miêu tả cụ thể theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 34/CCTHA lập ngày 02/5/2018 và biên lai thu tiền số AA/2012 - 06054 cùng ngày giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X và Chi cục Thi hành án dân sự huyện X.

6. Án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Trần Như C, Đỗ Viết L, Đặng Viết Q, Trần Như B, Trần Đức Q mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

7. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện X;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Công an huyện X;
- Sở tư pháp tỉnh Nam Định;
- TAND tỉnh Nam Định;
- Chi cục THADS huyện X;
- UBND xã X;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Ngọc Long

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Kim An

Phạm Duy Chinh

Phạm Ngọc Long